

**TÒA PHÚC THẨM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 215/2025/HS-PT

Ngày: 25-11-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Cường

Các Thẩm phán: Ông Lê Văn Thường

Bà Võ Thị Ngọc Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Hương - Thẩm tra viên Tòa phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Quách Đức Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Toà phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 146/2025/TLPT-HS ngày 01/10/2025 đối với bị cáo Trần Hoài T về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Do có kháng cáo của bị cáo và kháng nghị của Viện trưởng Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 77/2025/HS-ST ngày 22-8-2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89A/2025/QĐXXPT-HS ngày 11/11/2025.

1. Bị cáo:

Họ và tên: Trần Hoài T, tên gọi khác: Không; sinh ngày 22 tháng 12 năm 1991 tại tỉnh Đồng Nai; nơi ĐKKHKT: 490 ấp T, xã L, huyện X, tỉnh Đồng Nai; chỗ ở hiện nay: H K, phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum (nay là H K, phường K, tỉnh Quảng Ngãi); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: Nữ; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Buôn bán; con ông Trần Đình N và con bà Lê Thị T1; có chồng tên là Trần Đặng Hữu H và có 02 con, con lớn sinh năm 2019 và con nhỏ sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có Đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Phạm Thị Công Anh T2 - Văn phòng L3 và Cộng sự, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Q, có Đơn xét xử vắng mặt.

3. Bị hại:

3.1. Bà Lê Thanh T3, sinh năm 1999; địa chỉ: B H, phường K, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

3.2. Ông Trịnh Hồng Đ, sinh năm 1967; địa chỉ: B T, phường K, tỉnh Quảng Ngãi. Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Trịnh Trần Hồng N1; địa chỉ: A T, S, thành phố Đà Nẵng, có mặt.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

4.1. Bà Đặng Thị M, sinh năm 1969; địa chỉ: H K, phường K, tỉnh Quảng Ngãi.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Vũ Anh M1 - Chi nhánh Văn phòng L4 tại Kon Tum, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đ; địa chỉ: H Bà T, phường K, tỉnh Quảng Ngãi, có Đơn xin xét xử vắng mặt.

4.2. Ông Trần Đình T4, sinh năm 1967; địa chỉ: 1 Liên khu D, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

4.3. Ông Trần Đặng Hữu H, sinh năm 1989; địa chỉ: H K, phường K, tỉnh Quảng Ngãi.

4.4. Bà Huỳnh Thị Kim P, sinh năm 1989; địa chỉ: A H, P. K, tỉnh Quảng Ngãi, có Đơn xin xét xử vắng mặt.

4.5. Bà Phạm Thị Hoàng O, sinh năm 1977; địa chỉ: thôn I, phường Đ, tỉnh Quảng Ngãi, có Đơn xin xét xử vắng mặt.

4.6. Bà Trương Thị Hoàng M2, sinh năm 1996; địa chỉ: E B, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh.

4.7. Ông Âu Chí C, sinh năm 1983; địa chỉ: B L, Thành phố Hồ Chí Minh.

4.8. Bà Bùi Thị Hồng O1, sinh năm 1978; địa chỉ: thôn B, xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

4.9. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1966; địa chỉ: A L, phường K, tỉnh Quảng Ngãi.

4.10. Bà Lê Thị Huyền C1, sinh năm 1980; địa chỉ: 2 Bà T, phường K, tỉnh Quảng Ngãi.

4.11. Bà Trần Kim T5, sinh năm 2000; địa chỉ: Chung cư P, A T, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

4.12. Bà Trần Thị Thanh D1, sinh năm 1974; địa chỉ: B T, phường K, tỉnh Quảng Ngãi.

4.13. Bà Nguyễn Thị Thanh N2, sinh năm 1984; địa chỉ: F L, phường K, tỉnh Quảng Ngãi.

4.14. Bà Đào Trinh Khánh L1, sinh năm 1973; địa chỉ: D L, phường K, tỉnh Quảng Ngãi.

4.15. Bà Lê Thanh T3, sinh năm 1999; địa chỉ: B H, phường K, tỉnh Quảng Ngãi.

4.16. Bà Nguyễn Thị Mai A, sinh năm 1989; địa chỉ: Nhà A Khu C, phường Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

4.17. Bà Lại Thị Kim D2, sinh năm 1991; địa chỉ: D N, phường Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

4.18. Ông Nguyễn Ngọc T6, sinh năm 1981; địa chỉ: A C, phường K, tỉnh Quảng Ngãi.

(Tất cả vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vụ thứ nhất: Do có mối quan hệ quen biết với nhau từ trước, nên ngày 01/9/2022 chị Lê Thanh T3 có nói chuyện với Trần Hoài T (bị cáo) về việc Lê Thanh T3 có người anh tên là Hồ Đức M3 bị Công an thành phố K bắt về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Khi nghe được thông tin này, Trần Hoài T đã nảy sinh ý định dùng thủ đoạn để chiếm đoạt tiền của chị Lê Thanh T3, vì trước đó Trần Hoài T có nhờ tài khoản Ngân hàng của Lê Thanh T3 để chuyển tiền nên biết được trong số dư tài khoản của chị Lê Thanh T3 có nhiều tiền. Để đạt được mục đích chiếm đoạt tài sản, Trần Hoài T đã chủ động đưa ra thông tin gian dối khi nói với Lê Thanh T3 là: “Trần Hoài T có quen ông H1 làm Trưởng Thị hành án tỉnh Kon Tum có thể chạy án cho Hồ Đức M3 (giúp cho M3 phải chịu hình phạt nhẹ nhất)”. Vì tin tưởng vào thông tin Trần Hoài T đưa ra, Lê Thanh T3 đã đồng ý nhờ Trần Hoài T giúp đỡ. Đến sáng ngày 02/9/2022, Trần Hoài T liên hệ với Lê Thanh T3 và nói dối là Trần Hoài T đã liên hệ với ông H1 và được ông H1 đồng ý chạy án giúp cho M3, đồng thời nói cho Lê Thanh T3 biết là có chị T7 cán bộ cơ quan Thị hành án, cấp dưới của ông H1, chị T7 sẽ liên hệ với Lê Thanh T3 để hướng dẫn “chạy án”. Sau đó, Trần Hoài T sử dụng số điện thoại 0898482482 và đóng giả là người tên T7 để liên hệ với Lê Thanh T3. Khi trao đổi qua điện thoại, Trần Hoài T giả giọng nói và tự xưng tên T7 là cấp dưới của ông H1, nói cho Lê Thanh T3 biết là T3 đã nhờ ông H1 để chạy án cho M3 và sáng ngày 02/9/2022, T7 sẽ gặp Điều tra viên thụ lý vụ án của Hồ Đức M3 để trao đổi.

Sau đó, Trần Hoài T tiếp tục đóng giả người tên T7 gọi điện thoại lại cho Lê Thanh T3 để thông báo với nội dung: “Cơ quan điều tra đang nghi ngờ Lê Thanh T3 có liên quan đến việc mua bán ma túy của Hồ Đức M3. Số tiền trong tài khoản Ngân hàng của Lê Thanh T3 là do buôn bán ma túy mà có”. Để không bị cơ quan

Công an xem xét, xử lý, Trần Hoài T (T7) hướng dẫn Lê Thanh T3 giả làm nhân viên của Trần Hoài T (*Vì Trần Hoài T có cửa hàng bán sản phẩm yến sào tại thành phố K*) và để hợp thức hoá số tiền có trong tài khoản của Lê Thanh T3 bằng cách chuyển tiền từ tài khoản của Lê Thanh T3 qua tài khoản của Trần Hoài T với nội dung chuyển khoản “*mua bán yến, táo*”. Sau đó, Trần Hoài T sẽ chuyển trả lại cho Lê Thanh T3. Như vậy, sẽ thể hiện tiền trong tài khoản của Lê Thanh T3 có nguồn gốc từ việc mua - bán yến, táo chứ không liên quan đến việc mua bán ma túy của Hồ Đức M3.

Chi Lê Thanh T3 vì lo sợ liên quan đến pháp luật và tin tưởng vào những thông tin gian dối mà Trần Hoài T (đóng giả tên T7) vừa đưa ra, nên đã nhiều lần chuyển tiền từ tài khoản của Lê Thanh T3 vào tài khoản hộ kinh doanh yến sào Trang T8 (*tài khoản số 18999999999 tại Ngân hàng S*) do Trần Hoài T làm chủ cơ sở và tài khoản cá nhân của Trần Hoài T (*tài khoản số 1021499999 và 087100172113 tại Ngân hàng V*) để phát sinh giao dịch theo hướng dẫn của Trần Hoài T (T7). Sau khi nhận được tổng số tiền 2.006.000.000 đồng, Trần Hoài T đã chuyển trả lại một phần cho Lê Thanh T3 số tiền 1.106.000.000 đồng, số tiền còn lại 900.000.000 đồng Trần Hoài T đã chiếm đoạt của Lê Thanh T3 dùng để trả nợ, nộp vào tài khoản Exness đầu tư chứng khoán và tiêu xài cá nhân, cụ thể như sau:

- Lần 1: Ngày 02/9/2022 Lê Thanh T3 chuyển cho Trần Hoài T số tiền 666.000.000 đồng. Sau khi nhận được, Trần Hoài T chuyển trả lại cho Lê Thanh T3 237.000.000 đồng; số tiền còn lại Trần Hoài T chuyển cho Nguyễn Ngọc T6 153.600.000 đồng để trả nợ; sử dụng số tiền 200.000.000 đồng để nộp vào tài khoản E, số tiền còn lại sử dụng vào mục đích tiêu xài cá nhân.

- Lần 2: Ngày 03/9/2022 Lê Thanh T3 chuyển cho Trần Hoài T tổng số tiền 520.000.000 đồng. Sau khi nhận được, Trần Hoài T không chuyển trả lại cho Lê Thanh T3 mà sử dụng 14.200.000 đồng chuyển vào tài khoản của Phạm Thị Hồng T9 để trả nợ; sử dụng 480.000.000 đồng chuyển vào tài khoản E; sử dụng 12.000.000 đồng chuyển nhờ vào tài khoản của Trần Đình T4 (là bố chồng của Trần Hoài T) sau đó Trần Hoài T nhận lại tiền mặt 12.000.000 đồng từ ông T4 để tiêu xài cá nhân.

- Lần 3: Ngày 04/9/2022 Lê Thanh T3 chuyển cho Trần Hoài T số tiền 150.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền, Trần Hoài T không chuyển trả lại cho Lê Thanh T3 mà chuyển 100.000.000 đồng vào tài khoản của Trần Đăng Hữu H (*là chồng của Trần Hoài T*) và chuyển 50.000.000 đồng vào tài khoản của Trần Đình T4, sau đó Trần Hoài T nhận lại tiền mặt số tiền đã chuyển trước đó từ hai người này để tiêu xài cá nhân.

- Lần 4: Ngày 05/9/2022 Lê Thanh T3 đã chuyển cho Trần Hoài T số tiền 450.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền, Trần Hoài T chỉ chuyển trả lại cho Lê Thanh T3 50.000.000 đồng, số tiền 400.000.000 đồng còn lại Trần Hoài T sử dụng 330.000.000 đồng chuyển vào tài khoản Exness; số tiền 70.000.000 đồng còn lại sử dụng vào mục đích tiêu xài cá nhân.

- Lần 5: Ngày 06/9/2022 Lê Thanh T3 đã chuyển cho Trần Hoài T tổng số tiền 200.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền, Trần Hoài T không chuyển trả lại cho Lê Thanh T3 mà sử dụng chuyển 190.000.000 đồng vào tài khoản Exness, số tiền 10.000.000 đồng còn lại sử dụng tiêu xài cá nhân.

Sau khi chị Lê Thanh T3 đã chuyển cho Trần Hoài T nhiều lần với tổng số tiền 1.986.000.000 đồng, Trần Hoài T đã chuyển trả lại cho chị T 287.000.000 đồng, còn lại 1.699.000.000 đồng Trần Hoài T không chuyển trả lại. Chị Lê Thanh T3 nhiều lần yêu cầu Trần Hoài T chuyển trả lại số tiền mà Trần Hoài T còn giữ thì Trần Hoài T tiếp tục chuyển trả cho Lê Thanh T3 số tiền 333.000.000 đồng và đưa ra lý do: “ *Vì chuyển tiền qua lại với Lê Thanh T3 nên tài khoản của Trần Hoài T đang bị Cơ quan điều tra tạm ngưng không thể chuyển tiền lại cho Lê Thanh T3 được*”.

Đến ngày 12/9/2022, Trần Hoài T tiếp tục đóng giả người tên T7, gọi điện liên hệ với Lê Thanh T3 yêu cầu Lê Thanh T3 phải đóng số tiền án phí 20.000.000 đồng và chuyển vào tài khoản MSB số 51086018874444 của bà Nguyễn Thị Mai A (*Trước đó, Trần Hoài T đã liên hệ nhờ bà Mai A để mượn tài khoản nhận và chuyển tiền lại cho Hoài T, bà Mai A không biết gì về mối quan hệ giữa Trần Hoài T và người chuyển tiền, về nguồn gốc số tiền nhận và cũng không hưởng lợi gì từ việc cho T mượn số tài khoản để nhận tiền*), số tiền này Trần Hoài T đã nhận lại từ bà M và sử dụng vào mục đích tiêu xài cá nhân.

Ngày 14/9/2022, Trần Hoài T tiếp tục đóng giả người tên T7, gọi điện liên hệ với Lê Thanh T3 nói chuyện qua điện thoại trao đổi nội dung về việc tài khoản Trần Hoài T bị khóa nên không chuyển tiền trả Lê Thanh T3. Đồng thời, cho biết sẽ lo cho M3 từ tội tàng trữ trái phép chất ma túy sang tội sử dụng trái phép chất ma túy. Cùng ngày, Trần Hoài T chuyển trả lại cho Lê Thanh T3 số tiền 84.000.000 đồng. Đến ngày 26/9/2022, Trần Hoài T tiếp tục chuyển trả lại cho Lê Thanh T3 số tiền 402.000.000 đồng.

Đối với số tiền 900.000.000 đồng còn lại, Lê Thanh T3 đã nhiều lần yêu cầu Trần Hoài T chuyển trả lại, nhưng Trần Hoài T không trả mà chiếm đoạt số tiền này. Vì vậy, Lê Thanh T3 đã làm Đơn tố cáo hành vi lừa đảo của Trần Hoài T đến Cơ quan điều tra yêu cầu giải quyết. Trong quá trình điều tra, Trần Hoài T đã bồi thường khắc phục hậu quả, trả lại cho bị hại số tiền 900.000.000 đồng, bị hại

không yêu cầu bồi thường gì thêm và có Đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho Trần Hoài T.

Vụ thứ hai: Vào tháng 4/2022, do cần tiền để trả nợ và sử dụng vào việc cá nhân nên Trần Hoài T đã trực tiếp liên hệ với ông Trịnh Hồng Đ và gián tiếp thông qua bà Đặng Thị M (*mẹ chồng của T*), ông Trần Đình T4 (*bố chồng của T*) nhờ liên hệ với ông Đ vay tiền giúp cho T. Quá trình liên hệ, Trần Hoài T đưa ra các thông tin gian dối là cần tiền để đáo hạn Ngân hàng, mua căn nhà tại địa chỉ B đường P, thành phố K, nạp tiền vào tài khoản cổ phiếu (Exness) để rút tiền ra; cần tiền để tắt toán khoản vay Ngân hàng của T để lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhằm sang nhượng thửa đất cho người khác. Đồng thời, T đề nghị trả lãi từ các khoản vay cho ông Trịnh Hồng Đ với mức là 2.000 đồng/triệu/ngày.

Vì tin tưởng vào thông tin do Trần Hoài T đưa ra và bà M, ông T4 truyền đạt thông tin của T nên ông Đ đã đồng ý cho T vay tiền. Ông Đ vay tiền Ngân hàng rồi đưa tiền cho bà M tổng cộng 5.980.000.000 đồng (*trong đó, có 05 lần giải ngân trực tiếp số tiền 5.780.000.000 đồng chuyển vào tài khoản Ngân hàng của bà M; 01 lần đưa tiền mặt cho bà M số tiền 200.000.000 đồng*). Sau đó, bà M đã chuyển khoản và đưa tiền mặt hết số tiền đã vay được của ông Đ cho T. Khi nhận được tiền, T đã trả lại cho ông Đ một phần, sử dụng để đầu tư Exness như thông tin đưa ra lúc vay tiền là 1.440.000.000 đồng và lừa đảo chiếm đoạt của ông Trịnh Hồng Đ số tiền 3.090.000.000 đồng để trả nợ cho nhiều người, chuyển tiền cho người khác để đầu tư E và tiêu xài cá nhân, cụ thể như sau:

- Lần 1: Đối với số tiền chiếm đoạt 200.000.000 đồng (liên quan đến khoản vay 1.200.000.000 đồng vào ngày 13/4/2022).

Đầu tháng 4/2022, T đã liên hệ với ông Đ đưa ra thông tin cần tiền “*đảo vốn Ngân hàng*” để đặt vấn đề vay mượn tiền của ông Đ. Tuy nhiên, thời điểm này, ông Đ chưa quyết định việc cho T vay mượn tiền. Để vay được tiền của ông Đ, Trần Hoài T đã đưa ra thông tin với bà M là đang cần tiền để mua căn nhà tại địa chỉ B P, thành phố K, tỉnh Kon Tum. T đã đặt cọc cho bà Nguyễn Thị Lệ L2 chủ căn nhà số tiền 2.000.000.000 đồng và còn thiếu số tiền 4.000.000.000 đồng. Hiện tại căn nhà này bà L2 đang thế chấp để vay Ngân hàng, nên T cần tiền để đáo hạn Ngân hàng (trả số tiền mà bà L2 đã vay của Ngân hàng sau đó lấy bìa đỏ đang thế chấp ra làm thủ tục sang tên cho T). T nhờ bà M hỏi vay tiền ông Đ số tiền 1.200.000.000 đồng để thực hiện việc trên, hứa hẹn trong khoảng vài ngày (tối đa là 7 ngày) sẽ trả lại tiền cho bà M để bà M thanh toán lại cho ông Đ. Tin tưởng thông tin T đưa ra, bà M đã liên hệ với ông Đ đưa ra thông tin giống như T đưa ra và được ông Đ đồng ý cho vay. Đến ngày 13/4/2022, khi nhận được 1.200.000.000 đồng, T đã sử dụng để trả nợ và tiêu xài cá nhân, cụ thể:

+ Chuyển khoản trả nợ cho Huỳnh Thị Kim P số tiền 400.000.000 đồng;

- + Chuyển khoản trả nợ cho Phạm Thị Hoàng O số tiền 600.000.000 đồng;
- + Chuyển khoản trả tiền hàng mua yến cho Trương Thị Hoàng M2 số tiền 100.000.000 đồng;

- + Chuyển khoản vào số tài khoản 0961000041613- HUYNH THI CAN số tiền 75.000.000 đồng (theo lời khai của T thì đây là giao dịch nạp tiền vào tài khoản E)

- + Còn lại 25.000.000 đồng T sử dụng tiêu xài cá nhân.

Từ ngày 17/5/2022 đến 21/6/2022, T đã trả lại cho ông Trịnh Hồng Đ 04 lần với tổng số tiền 1.000.000.000 đồng. Như vậy, đối với khoản vay này, T đã lừa đảo chiếm đoạt của ông Trịnh Hồng Đ số tiền 200.000.000 đồng.

- Lần 2: Đối với số tiền chiếm đoạt 800.000.000 đồng (liên quan đến khoản vay 1.200.000.000 đồng vào ngày 15/4/2022).

Ngày 14/4/2022, T tiếp tục đưa ra thông tin với bà M là việc nhận sang nhượng thửa đất tại địa chỉ B P, thành phố K chưa xong, còn thiếu số tiền 1.200.000.000 đồng thì mới hoàn tất việc sang nhượng từ chủ cũ qua tên T. Từ đó, T đề nghị bà M tiếp tục liên hệ với ông Đ để vay giúp cho T số tiền 1.200.000.000 đồng. T cam kết với bà M, thời hạn vay là khoảng 01 tuần. Đồng thời, khi việc sang nhượng hoàn tất thì sẽ thế chấp thửa đất này vay tiền Ngân hàng để trả lại cho ông Đ tổng cộng số tiền 2.400.000.000 đồng, bao gồm số tiền này và số tiền 1.200.000.000 đồng vay ngày 13/4/2022. Tin tưởng T, bà M đặt vấn đề với ông Đ là T cần thêm số tiền 1.200.000.000 đồng để hoàn tất việc sang nhượng trên. Sau khi sang tên cho T xong thì sẽ thế chấp vay tiền Ngân hàng trả lại cho ông Đ tổng cộng số tiền 2.400.000.000 đồng. Đồng thời, bà M hứa hẹn với ông Đ là trong vòng 01 tuần sẽ trả lại và được ông Đ đồng ý cho vay. Ngày 15/4/2022, T đã nhận được số tiền 1.200.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, T đã sử dụng để trả nợ và tiêu xài cá nhân, cụ thể:

- + Chuyển khoản trả nợ cho Huỳnh Thị Kim P số tiền 800.000.000 đồng;
- + Chuyển khoản trả tiền mua hàng (phụ gia yến) cho Âu Chí C số tiền 31.650.000 đồng;

- + Chuyển khoản cho Bùi Thị Hồng O1 để trả tiền mua thửa đất ở huyện C, tỉnh Gia Lai số tiền 230.000.000 đồng;

- + Chuyển khoản vào tài khoản số 1021565711 đứng tên Lưu Thị Hải Y số tiền 130.000.000 đồng (theo lời khai của T thì đây là giao dịch nạp tiền vào tài khoản Exness - đầu tư cổ phiếu nước ngoài).

Ngày 23/6/2022, T đã trả lại cho ông Trịnh Hồng Đ số tiền 400.000.000 đồng. Như vậy, đối với khoản vay này, T chiếm đoạt số tiền 800.000.000 đồng.

- Lần 3: Đối với số tiền chiếm đoạt 1.610.000.000 đồng (nằm trong khoản vay 2.300.000.000 đồng ngày 06/6/2022)

Vào khoảng đầu tháng 6/2022, T đưa ra thông tin với bà M là đang cần tiền để đầu tư cổ phiếu nhằm rút ra các khoản tiền trước đây đã đầu tư vào. Để bà M tin tưởng, T có đưa điện thoại di động của T cho bà M xem số dư có trong tài khoản cổ phiếu của T và giải thích cho bà M là số dư trong tài khoản chứng khoán khoảng 6.000.000.000 đồng đến 7.000.000.000 đồng nên cần tiền nạp thêm vào để rút được tiền về, nếu như không nạp tiền vào thì sẽ mất luôn số tiền đã đầu tư trước đây. Qua đó, T đề nghị bà M tiếp tục vay tiền của ông Đ giúp T và hứa hẹn khoảng vài ngày sẽ trả lại. Vì tin tưởng vào thông tin mà T đưa ra nên bà M đã liên hệ, đề nghị ông Đ cho T vay tiền như thông tin T đưa ra nhưng ông Đ từ chối. Để có được tiền trả nợ và sử dụng vào việc cá nhân, T tiếp tục gặp ông Trần Đình T4 là bố chồng của T và cũng đưa ra thông tin như trên (*T cũng đưa điện thoại cho ông T4 xem và giải thích như T đã giải thích với bà M*), sau đó T nhờ ông T4 tác động, gọi điện để ông Đ đồng ý cho T vay tiền. Ông T4 tin tưởng vào thông tin T đưa ra nên đồng ý và ông T4 đã liên hệ với ông Đ đề nghị cho T vay tiền, được ông Đ đồng ý cho vay.

Ngày 06/6/2022, khi nhận được số tiền 2.300.000.000 đồng, T chuyển khoản vào tài khoản số 18779887 đứng tên Chu Thanh H2 số tiền 690.000.000 đồng là giao dịch nạp tiền vào tài khoản Exness để đầu tư; số tiền còn lại 1.610.000.000 đồng, T đã chiếm đoạt, dùng để trả nợ và sử dụng 10.000.000 đồng vào việc cá nhân. Cụ thể:

- + Chuyển khoản trả nợ cho Nguyễn Thị L số tiền 900.000.000 đồng;
- + Chuyển khoản trả nợ cho Huỳnh Thị Kim P số tiền 700.000.000 đồng;
- Lần 4: Đối với hành vi chiếm đoạt số tiền 30.000.000 đồng (liên quan đến khoản vay 780.000.000 đồng ngày 30/6/2022)

Tương tự như khoản vay ngày 06/6/2022, vào khoảng cuối tháng 6/2022, T tiếp tục đưa thông tin với bà M là đang cần tiền để đầu tư cổ phiếu nhằm rút ra các khoản tiền trước đây đã đầu tư vào. Để bà M tin tưởng, T cũng đưa điện thoại di động cho bà M xem số dư có trong tài khoản cổ phiếu của T là khoảng 8.000.000.000 đồng đến 9.000.000.000 đồng nên giờ cần nạp thêm tiền vào để rút được số tiền này về, nếu không thì sẽ mất toàn bộ số tiền trong tài khoản cổ phiếu. Qua đó, T đề nghị bà M tiếp tục vay tiền ông Đ giúp T. Tin tưởng T nên bà M đã liên hệ đề nghị ông Đ cho T vay tiền như thông tin T đưa ra và được ông Đ đồng ý.

Ngày 30/6/2022, khi nhận được số tiền 780.000.000 đồng, T sử dụng để chuyển khoản vào tài khoản số 0971000014101 đứng tên Nguyen Van H3 số tiền 750.000.000 đồng giao dịch nạp tiền vào tài khoản Exness - đầu tư cổ phiếu nước ngoài. Số tiền 30.000.000 đồng còn lại, T chiếm đoạt để sử dụng vào việc tiêu xài cá nhân.

- Lần 5: Đối với hành vi chiếm đoạt số tiền 250.000.000 đồng (nằm trong khoản tiền 600.000.000 đồng vay ngày 29/7/2022)

Vào khoảng cuối tháng 7/2022, T đưa ra thông tin với bà M là: T có 01 thửa đất thuộc sở hữu của T đang được thế chấp ở Ngân hàng, đến ngày 30/7/2022 T sẽ ký kết hợp đồng sang nhượng thửa đất này cho người khác và đề nghị bà M liên hệ với ông Đ vay giúp T số tiền 600.000.000 đồng để tắt toán khoản vay của T. Đồng thời, hứa hẹn với bà M là: Tiền nhận được sau khi sang nhượng xong sẽ trả cho ông Đ bao gồm số tiền 600.000.000 đồng và trả thêm cho các khoản nợ trước đó (vì *giá sang nhượng nhiều hơn số tiền 600.000.000 đồng*). Nghe vậy, bà M đã tin tưởng và liên hệ với ông Đ, bà M cũng đưa ra thông tin giống như T đã đưa ra với bà M và được ông Đ đồng ý cho vay 600.000.000 đồng.

Sau khi nhận tiền, T đã sử dụng 600.000.000 đồng vay được và số tiền 4.600.000 đồng có trong tài khoản để trả nợ và tiêu xài cá nhân, cụ thể:

- + Chuyển khoản trả nợ cho Lê Thanh T3 số tiền 200.000.000 đồng;
- + Chuyển khoản trả nợ cho Lê Thị Huyền C1 số tiền 90.000.000 đồng;
- + Chuyển khoản cho Trần Kim T5 số tiền 114.600.000 đồng để mua hàng tổ yến;
- + Chuyển khoản trả nợ cho Trần Thị Thanh D1 số tiền 50.000.000 đồng;
- + Chuyển khoản vào tài khoản số 1025718758 đứng tên Chu Thanh H2 số tiền 150.000.000 đồng giao dịch nạp tiền vào tài khoản Exness - đầu tư vào cổ phiếu nước ngoài.

Trong khoản vay này, sau đó T3 đã chuyển trả lại cho ông Trịnh Hồng Đ 02 lần: số tiền 300.000.000 đồng và 50.000.000 đồng. Như vậy, đối với khoản vay này, T3 chiếm đoạt số tiền 250.000.000 đồng.

- Lần 6: Đối với hành vi chiếm đoạt số tiền 200.000.000 đồng ngày 30/12/2022.

Vào khoảng tháng 12/2022, T3 đưa thông tin với bà M và ông T4 là đang cần số tiền 200.000.000 đồng để đầu tư cổ phiếu Exness nhằm rút ra các khoản tiền trước đây đã đầu tư vào, nếu như không nạp tiền vào tài khoản Exness thì sẽ mất luôn số tiền đã đầu tư trước đây. Đồng thời, T3 cho biết nạp thêm số tiền này vào thì sẽ rút được toàn bộ số tiền đã đầu tư trước đó và sẽ trả hết nợ cho mọi người bao gồm các khoản tiền đã vay trước đó của ông Đ. Tin tưởng T3 nên bà M và ông T4 đã liên hệ với ông Đ đưa ra thông tin như T3 đưa ra để đặt vấn đề vay ông Đ số tiền 200.000.000 đồng. Ông Đ đồng ý cho T3 vay và đưa 200.000.000 đồng tiền mặt cho bà M. Sau đó bà M đã đưa số tiền này cho T3, khi T3 đã nhận được 200.000.000 đồng tiền mặt từ bà M thì T3 không đầu tư vào Exness như thông tin đưa ra mà đã sử dụng để tiêu xài cá nhân, cụ thể sử dụng vào việc gì thì T3 không nhớ.

Như vậy, tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt của hai bị hại là 3.990.000.000 đồng.

Trong quá trình điều tra, bị cáo đã bồi thường khắc phục hậu quả cho ông Trịnh Hồng Đ số tiền 250.000.000 đồng. Ông Trịnh Hồng Đ yêu cầu bị cáo T3 có trách nhiệm bồi thường số tiền đã chiếm đoạt.

Với nội dung trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 77/2025/HS-ST ngày 22/8/2025, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Trần Hoài T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

1. Về hình phạt:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Trần Hoài T 15 (mười lăm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự. Điều 357; Điều 468; Điều 584; Điều 585 Bộ luật Dân sự năm 2015. Buộc bị cáo phải trả lại cho bị hại Trịnh Hồng Đ số tiền 2.840.000.000 đồng (hai tỷ tám trăm bốn mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có Đơn yêu cầu thi hành án dân sự, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 06/9/2025, bị cáo Trần Hoài T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 15/9/2025, Viện trưởng Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng kháng nghị một phần bản án nêu trên về phần trách nhiệm dân sự, đề nghị Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm hủy một phần bản án về trách nhiệm dân sự để xét xử lại theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Trần Hoài T vắng mặt, nhưng có Đơn trình bày tự nguyện rút kháng cáo và đề nghị xét xử vắng mặt bị cáo.

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: kháng cáo của bị cáo Trần Hoài T và kháng nghị của Viện trưởng Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng là trong thời hạn luật định. Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm, bị cáo Trần Hoài T vắng mặt, nhưng có Đơn trình bày tự nguyện rút kháng cáo và đề nghị xét xử vắng mặt bị cáo. Do đó, đề nghị

Hội đồng xét xử căn cứ Điều 342; Điều 348 Bộ luật Tố tụng hình sự để đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Trần Hoài T.

Về nội dung: Toà án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Trần Hoài T về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự và xử phạt bị cáo Trần Hoài T 15 (mười lăm) năm tù là có căn cứ, đúng tội, đúng pháp luật. Về phân trách nhiệm dân sự, bị cáo dùng tiền chiếm đoạt chuyển cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, tuy nhiên Toà án cấp sơ thẩm đã không tuyên những người này phải hoàn trả số tiền đã nhận cho bị hại, mà tuyên bị cáo bồi thường cho bị hại là vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng, hủy phân trách nhiệm dân sự tại bản án sơ thẩm nêu trên để xét xử lại theo đúng quy định của pháp luật.

Bà Trịnh Trần Hồng N1 trình bày: ông Trịnh Hồng Đ không kháng cáo, tuy nhiên đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06/9/2025 bị cáo Trần Hoài T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và ngày 15/9/2025 Viện trưởng Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng kháng nghị một phần bản án sơ thẩm. Như vậy, kháng cáo và kháng nghị được nộp, ban hành trong thời hạn luật định theo Điều 333 và Điều 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm, bị cáo Trần Hoài T vắng mặt, nhưng có Đơn trình bày tự nguyện rút kháng cáo và đề nghị xét xử vắng mặt bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 342; Điều 348 Bộ luật Tố tụng hình sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Trần Hoài T.

[2] Về nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng:

[2.1] Trong quá trình giải quyết vụ án, các cơ quan tiến hành tố tụng xác định bị cáo Trần Hoài T chiếm đoạt tiền của bị hại Trịnh Hồng Đ, sau đó sử dụng số tiền này để thanh toán các khoản nợ và chuyển cho nhiều cá nhân, gồm: Huỳnh Thị Kim P 1.900.000.000 đồng, Phạm Thị Hoàng O 600.000.000 đồng, Nguyễn Thị L 900.000.000 đồng, Lê Thanh T3 200.000.000 đồng, Lê Thị Huyền C1 90.000.000 đồng, Trần Thị Thanh D1 50.000.000 đồng, Bùi Thị Hồng O1 230.000.000 đồng và một số người cá nhân khác. Trên cơ sở đó, Tòa án cấp sơ

thẩm xác định ông Trịnh Hồng Đ là bị hại, còn các cá nhân nêu trên là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là đúng pháp luật.

Tuy nhiên, trong vụ án này, mặc dù các cơ quan tiến hành tố tụng đã xác định số tiền bị cáo Trần Hoài T chiếm đoạt là tài sản của bị hại Trịnh Hồng Đ, đồng thời xác định bị cáo đã chuyển số tiền này cho các cá nhân cụ thể, nhưng lại không xem xét, đánh giá các khoản tiền đã được chuyển giao đó là vật chứng của vụ án để thu hồi, cũng không buộc những người đã nhận tiền hoàn trả lại cho bị hại. Việc vừa xác định các tài sản nêu trên có nguồn gốc của bị hại bị chiếm đoạt, nhưng lại không xem xét, áp dụng biện pháp xử lý đối với những người đang trực tiếp quản lý, sử dụng các tài sản này là chưa bảo đảm sự thống nhất trong việc xác định và giải quyết tài sản bị chiếm đoạt có liên quan đến vụ án, chưa phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2.2] Tại Kết luận điều tra bổ sung số 18/BKL-VPCQCSĐT ngày 25/3/2025 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh K và Cáo trạng số 12/CT-VKS-P2 ngày 25/4/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum đều xác định: khoản 1.440.000.000 đồng mà bị cáo Trần Hoài Trang sử dụng để đầu tư vào Exness là khoản tiền vay được sử dụng đúng mục đích, nên không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với phần tiền này. Tuy nhiên, tại lần vay thứ năm ngày 29/7/2022 thể hiện, sau khi nhận được tiền bị cáo Trần Hoài T cũng đã chuyển 150.000.000 đồng vào tài khoản Exness. Khoản tiền này có bản chất sử dụng tương tự khoản tiền 1.440.000.000 đồng đã được xác định là sử dụng đúng mục đích, nhưng các cơ quan tiến hành tố tụng lại không xem xét và không xác định đây là khoản tiền sử dụng đúng mục đích, dẫn đến mâu thuẫn trong việc phân loại dòng tiền, ảnh hưởng đến tính chính xác của việc xác định tổng số tiền bị cáo T chiếm đoạt của ông Trịnh Hồng Đ.

[2.3] Quyết định kháng nghị đề nghị Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm hủy một phần bản án về trách nhiệm dân sự để xét xử lại theo quy định của pháp luật. Với những nội dung phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không thể khắc phục, bổ sung, làm rõ được và để đảm bảo sự thận trọng khách quan trong việc điều tra lại nhằm đánh giá chứng cứ xác định về số tiền bị cáo chiếm đoạt của bị hại?, khoản tiền chiếm đoạt được trả nợ, chuyển cho cá nhân khác được xác định là vật chứng của vụ án?, cũng như ý kiến của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về nội dung nhận định nêu trên. Do đó, cần phải hủy bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự và phần quyết định án phí dân sự sơ thẩm đối với bị cáo T để điều tra lại. Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo Trần Hoài T không phải chịu.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng Điều 342 và Điều 348 Bộ luật Tố tụng hình sự; đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Trần Hoài T.

Bản án hình sự sơ thẩm số 77/2025/HS-ST ngày 22/8/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về phần trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Trần Hoài T có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Tòa án đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo.

2. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 355 và điểm b khoản 1 Điều 358 Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng. Hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 77/2025/HS-ST ngày 22/8/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về phần trách nhiệm dân sự và phần án phí dân sự sơ thẩm đối với bị cáo T.

3. Giao hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi điều tra lại theo đúng quy định của pháp luật.

4. Về án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm g, điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: bị cáo Trần Hoài T không phải chịu.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Ngọc Dung Lê Văn Thường

Trần Quốc Cường